TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 60/2023/DS - ST
Ngày: 27/7/2023
V/v: *Tranh chấp di sản thừa kế*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Huỳnh Văn Nhân

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Dương** – kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thủy tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2023/QĐST-DS ngày 12/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2023/QĐST-DS ngày 06/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1957 – Có mặt.

Địa chỉ: 3 tổ C, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986 – Có mặt.

Địa chỉ: 84/4, khu vực B, phường L, Q, thành phố Cần Thơ (Hợp đồng ủy quyền ngày 24/7/2023)

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Thanh P – VPLS Trần Thanh P – Đoàn Luật sư thành phố C.

Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1971 – Có mặt.

Địa chỉ: 3 tổ C, KV B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Đình K - Văn phòng L – Đoàn Luật sư thành phố C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị S, sinh năm 1961 - Có mặt.
2. Trần Thị N1, sinh năm 1962 - Có mặt

3. Trần Thị S1, sinh năm 1963 - Có mặt

4. Trần Văn B, sinh năm 1969 - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 3 tổ C, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ

5. Văn phòng C1 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: C N , phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

6. Công ty Cổ phần Đ – Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu đô thị T, đường N, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn – bà N *trình bày*

Cha mẹ bà là ông Trần Văn C (chết năm 2001) và bà Ngô Thị S2 (chết năm 2018), có 06 người con là: Trần Thị N, Trần Thị S, Trần Thị N1, Trần Thị S1, Trần Văn B và Trần Thị T1. Cha mẹ bà có tạo lập được tài sản là phần đất có diện tích 19.441m^2 tại thửa số 281, 282, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực B, phường L, quận B), phần đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận số 01773 ngày 20/9/1995. Do cha mẹ bà đã chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho nhiều người nên diện tích còn lại hiện nay của hai thửa đất trên khoảng 8.498,6m^2. Cha mẹ bà mất không để lại di chúc, bà T1 là người quản lý, sử dụng phần đất và căn nhà trên đất, bà T1 đã rào lại lối đi chung trên đất và không đồng ý chia di sản thừa kế cho anh chị em, do vậy nay bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là phần đất nêu trên cho các anh chị em, mỗi người một phần đều nhau (khoảng 1.416,4m^2).

Ngày 26/02/2022, bà N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Trần Thị T1 phải chia đều căn nhà có diện tích ngang 8m x 25m, do cha mẹ để lại cho các đồng thừa kế.

Ngày 12/4/2023, bà N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngô Thị S2 và bà Trần Thị T1 vào ngày 16/01/2019 về việc bà Ngô Thị Sáu t cho bà T1 phần đất tại thửa 281 và 282, tờ bản đồ số 07 nêu trên.

Phía bị đơn – bà Trần Thị T1 *trình bày*:

Xác định phần đất tại thửa số 281, 282, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ là của cha mẹ bà – ông Trần Văn C và bà Ngô Thị S2 tạo lập, cha mẹ có 06 người con như nguyên đơn đã trình bày. Vào ngày 18/11/2004, mẹ của bà đã tách thửa chia đất cho các con, mỗi người từ 1000m^2 đến 1500m^2, tại thửa 281. Và mỗi người con 01 nền nhà tại thửa 282 để xây nhà ở, các anh chị em đã nhận đất, xây dựng nhà trên đất này, nhưng hiện chưa tách thửa. Diện tích còn lại của 02 thửa đất sau khi chia là 8.676,6m^2 (2L + LNK + TC).

Khi mẹ của bà còn sống, mẹ và các anh chị em trong nhà đã thống nhất đến Văn phòng công chứng lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn C chết để lại, nội dung là các con tự nguyện đồng ý tặng cho phần quyền hưởng di sản thừa kế của ông Trần Văn C cho bà Ngô Thị S2 được thụ hưởng. Sau khi toàn quyền về tài sản, mẹ của bà đã lập hợp đồng để tặng cho bà toàn bộ quyền sử dụng đất còn lại là 8.676,6m^2 cho bà, bà đã quản lý, sử dụng toàn bộ nhà, đất tại thửa 281, 282 đến nay, nhưng chưa làm thủ tục sang tên xong.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế thì bà không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Thị N1, Trần Thị S1, Trần Thị S *thống nhất trình bày:*

Các bà là anh chị em ruột với bà Trần Thị N và Trần Thị T1, cùng là con của bà Ngô Thị S2 và ông Trần Văn C. Nay đối với yêu cầu của bà N về việc chia thừa kế thì các bà không đồng ý vì đất này đúng là của cha mẹ để lại, nhưng trước khi chết bà S2 đã lập hợp đồng tặng cho phần đất này cho bà T1 và các anh chị em trong nhà đều biết và ký tên. Vì vậy, nay không thống nhất chia thừa kế theo pháp luật theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc hủy hợp đồng tặng cho ngày 16/01/2019 giữa bà Ngô Thị S2 và bà Trần Thị T1, yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Ngô Thị S2 để lại ra làm 6 phần đều nhau cho các đồng thừa kế theo diện tích đo đạc thực tế thửa đất.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn:

Trong di sản thừa kế, tại thửa 282, có diện tích 128m^2 do bà Ngô Thị S2 đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị N vào năm 2005, chưa tách giấy, nhưng đã có hợp đồng chuyển nhượng rõ ràng, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tách diện tích 128m^2 tại thửa 282 ra khỏi di sản thừa kế của bà Ngô Thị S2. Diện tích còn lại thì nguyên đơn đồng ý chia mỗi người được hưởng giá trị 1/6 kể cả phần đất và giá trị căn nhà, vì căn nhà trên đất là do bà Ngô Thị S2 để lại nên cũng cần phải xem xét chia theo đúng quy định.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu tranh luận:

Phía bị đơn thống nhất về việc hủy hợp đồng tặng cho giữa bà Ngô Thị S2 và bà Trần Thị T1 vào ngày 16/01/2019. Bị đơn cũng thống nhất với nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của bà Ngô Thị S2 ra làm 6 phần đều nhau, mỗi người được hưởng 1/6, tuy nhiên chỉ đồng ý với diện tích còn lại được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8.498,6m^2, còn đối với diện tích ghi trên bản mô tả do nguyên đơn cung cấp thì không đồng ý, vì diện tích này lớn hơn diện tích ghi trên giấy chứng nhận - là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn không đồng ý về việc chia giá trị căn nhà ra làm 6 phần như nguyên đơn yêu cầu, vì đây là căn nhà hiện do các chị em (03 người) không có gia đình ở và thống nhất dùng để làm nơi thờ cúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử phân chia cho nguyên đơn được hưởng 1/6 diện tích đất căn cứ theo diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đó nguyên đơn sẽ được hưởng diện tích là 1.446m^2, phần đất còn lại những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thống nhất nhường kỷ phần thừa kế cho bà T1. Khi nào có quyết định áp giá bồi thường thì nguyên đơn sẽ hưởng giá trị theo diện tích được chia này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Bình Thủy thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ kiện:

Qua ý kiến tranh tụng công khai tại phiên tòa cũng như căn cứ vào công văn của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ trả lời thì cho thấy: phần đất các bên đang yêu cầu chia thừa kế thuộc dự án quy hoạch do công ty Đ làm chủ đầu tư, từ lâu nhà nước đã không cho phép tách thửa đất với các phần đất nằm trong dự án, đồng thời khi giải quyết vụ kiện, Tòa án cũng cũng không đo đạc xác định được diện tích đất do không xác định được ranh. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, mà chỉ xem xét để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng tặng cho giữa bà Ngô Thị S2 và bà Trần Thị T1, đồng thời xác định phần đất tại thửa 281 và 282 tọa lạc tại khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ là di sản do ông Trần Văn C và bà Ngô Thị S2 để lại. Khi có quyết định áp giá bồi thường, các đương sự sẽ được hưởng theo kỷ phần mỗi người là 1/6 di sản, nếu không phân chia được thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp về "Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế" giữa cá nhân với cá nhân. Tranh chấp này do Bộ luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Về nguồn gốc tài sản:

Các bên đều thống nhất khai nhận, tài sản đang tranh chấp tại thửa số 281,282, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ là di sản do ông Trần Văn C (chết năm 2001) và bà Ngô Thị S2 (chết năm 2018) để lại. Bà Ngô Thị S2 được Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01773 ngày 20/9/1995. Diện tích ban đầu được cấp theo giấy chứng nhận là 19.441m^2, sau khi tách thửa sang tên cho các con và chuyển nhượng cho một số cá nhân khác thì diện tích còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến thời điểm hiện tại là 8.498m^2.

[2.2] Về hàng thừa kế:

Các đương sự khai thống nhất ông Trần Văn C và bà Ngô Thị S2 có 06 người con là: Bà N, bà S, bà N1, bà S2, ông B và bà T1.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngô Thị S2 và bà Trần Thị T1 vào ngày 16/01/2019.

Giấy chứng tử của bà Ngô Thị S2 xác định bà S2 chết vào ngày 14/8/2018, điều này tất cả các đương sự cũng thống nhất xác định bà Ngô Thị S2 chết vào thời gian trên. Vì vậy, Hợp đồng tặng cho lập ngày 16/01/2019, tại phòng C2, với nội dung thể hiện rằng bà Ngô Thị S2 thống nhất tặng cho bà Trần Thị T1 toàn bộ phần

đất tại thửa 281 và 282, là sai sự thật, bởi đây là hợp đồng được lập sau khi bà Ngô Thị S2 chết, vì vậy cần phải hủy bỏ. Việc hủy bỏ hợp đồng này các đương sự cũng thống nhất, nên có cơ sở để xem xét ghi nhận.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế do bà Ngô Thị S2 để lại là: phân chia phần đất tại thửa số 281 (đất lúa) và 282 (đất Q), tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Ngô Thị S2 nêu trên và yêu cầu được nhận hiện trạng đất.

Để có cơ sở giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thành lập hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang tranh chấp, tuy nhiên, chỉ tiến hành đo vẽ được hiện trạng đất, nhà, vật kiến trúc trên đất thửa số 282 (đất Q - có nhà và đất thổ cư), thửa 281 (đất lúa) do không xác định được tứ cận giáp ranh nên không đo vẽ được.

Sau đó, phía nguyên đơn có nộp chứng cứ là: Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới, do Công ty cổ phần Đ đo vẽ, biên bản này xác định diện tích còn lại hiện nay của 02 thửa đất là 10.231,6m^2. Tuy nhiên, phía bị đơn không thống nhất giải quyết chia theo chứng cứ này, vì cho rằng diện tích theo thể hiện tại biên bản này lớn hơn nhiều so với diện tích đất còn lại được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S2.

Về pháp lý của 02 thửa đất nêu trên, công văn số 1614 ngày 18/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất – Sở T2 trường thành phố Cần Thơ đã xác định: bà Ngô Thị S2 có tài sản ảnh hưởng dự án xây dựng Khu đô thị T, thuộc phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. Phần đất này của bà Ngô Thị S2 (thửa 281, 282) hiện chưa có Quyết định thu hồi đất của cấp thẩm quyền.

Qua các phân tích nêu trên cho thấy, phần đất tranh chấp hiện nay đang bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng Khu đô thị T (Theo QĐ số 1846/QĐ-UBND ngày 22/6/2009), chưa biết khi nào thì có quyết định thu hồi, quyết định áp giá bồi thường của cơ quan có thẩm quyền, hiện Tòa án không trưng cầu đo vẽ được diện tích, hình thể thực tế của thửa đất, còn đối với biên bản mô tả ranh giới mốc giới mà nguyên đơn đưa ra thì bị đơn không thống nhất. Với tình trạng pháp lý như trên, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện chưa đủ cơ sở để thỏa mãn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế (nhận hiện trạng đất) cho các đồng thừa kế trong vụ kiện. Vì vậy, việc phân chia này sẽ được tiến hành khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất, quyết định đền bù áp giá cụ thể đối với giá trị đất, vật kiến trúc, cây trồng trên đất. Bởi các quyết định này là các căn cứ pháp lý xác thực và đảm bảo được rằng: Xác định đúng diện tích đất tranh chấp, xác định được giá trị đền bù cụ thể của toàn bộ tài sản (đất, vật kiến trúc trên đất, tiền thưởng…). Trên cơ sở đó, 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C và bà S2 sẽ được hưởng mỗi người 1/6 giá trị tài sản đều nhau (hoặc thỏa thuận khác nếu có). Trường hợp khi đã có quyết định thu hồi, áp giá bồi thường mà vẫn không tự phân chia được thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có đủ cơ sở. Như vậy mới đảm bảo giải quyết sự việc một cách chính xác, đảm bảo được quyền và lợi ích chính đáng của các đương sự.

[3] Qua các phân tích trên cũng cho thấy hiện không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của các Luật sư tại phiên tòa về việc phân chia di sản thừa kế của ông C và bà S2 hoặc ghi nhận gì về việc nhường quyền thừa kế của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho bà Trần Thị T1.

Riêng đối với đề nghị của Luật sư phía nguyên đơn yêu cầu công nhận cho bà Trần Thị N được sử dụng phần diện tích 128m^2 tại thửa 282, tách diện tích này ra khỏi di sản thừa kế của ông C và bà S2 khi phân chia, thì xét thấy đây là yêu cầu vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, bởi trong đơn khởi kiện ban đầu, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều không có yêu cầu, nguyên đơn có quyền đặt ra yêu cầu này khi tiến hành phân chia di sản hoặc khởi kiện thành vụ kiện khác khi đủ cơ sở.

[4] Đối với nhận xét và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã nhận xét về thủ tục tố tụng và đề nghị về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận và không phân tích thêm.

[5] Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản tranh chấp và lệ phí trích đo là: 9.466.000 đồng, chi phí này các đồng thừa kế trong vụ kiện phải cùng chịu. Chi phí này nguyên đơn đã tạm ứng trước, nên các đồng thừa kế mỗi người phải trả cho nguyên đơn là 1.577.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chỉ giải quyết về yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên phía bị đơn – bà T1 chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch của vụ kiện là 300.000 đồng.

Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào**:**

Khoản 3, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 500, Điều 609, 613, 649 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký ngày 16/01/2019 giữa bà Ngô Thị S2 và bà Trần Thị T1, về việc bà Sáu t cho bà T1 02 thửa đất số 281 và 282, tờ bản đồ số 17, được công chứng tại Phòng C2 (số C, quyển số 01, ngày 16/01/2019).

- Công nhận phần đất tại thửa số 281, 282, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số 01773 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Ngô Thị S2 vào ngày 20/9/1995, là di sản thừa kế do ông Trần Văn C và bà Ngô Thị S2 để lại.

- Bà Trần Thị N, Trần Thị N1, Trần Thị S1, Trần Thị S, Trần Thị T1 và ông Trần Văn B là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn C bà Ngô Thị S2, được quyền hưởng thừa kế ngang nhau theo quy định của pháp luật.

- Không đặt ra xem xét đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với di sản do ông Trần Văn C và bà Ngô Thị S2 để lại.

2. Chi phí đo đạc, thẩm định thực tế và lệ phí trích đo: Bà T1, bà N1, bà S2, bà S, ông B mỗi người phải trả cho nguyên đơn 1.577.000 đồng (một triệu, năm trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm

- Bị đơn – bà Trần Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).
- Nguyên đơn được miễn án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Bình Thủy;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA Q Bình Thủy
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ